

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SÁNG TẠO NGÔN NGỮ THÔNG QUA DẠY HỌC BIỆN PHÁP TU TỪ NHÂN HÓA TRONG HOẠT ĐỘNG VIẾT CHO HỌC SINH LỚP 4

Nguyễn Thị Hồng Vương
Trường Tiểu học Phú Long

Tóm tắt: Bài viết tập trung nghiên cứu việc phát triển năng lực sáng tạo ngôn ngữ cho học sinh lớp 4 thông qua dạy học biện pháp tu từ nhân hóa trong hoạt động viết. Trên cơ sở phân tích thực trạng dạy học hiện nay, tác giả đề xuất hệ thống giải pháp mang tính hệ thống, bao gồm xây dựng quy trình rèn luyện, thiết kế bài tập phân hóa và tăng cường hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Kết quả thực nghiệm cho thấy năng lực sử dụng nhân hóa của học sinh được cải thiện rõ rệt cả về chất lượng biểu đạt và mức độ sáng tạo. Tỷ lệ học sinh viết được câu văn có sử dụng nhân hóa phù hợp tăng từ 47,4% lên 92,1%. Bài viết góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc đổi mới dạy học môn Tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực.

Từ khóa: nhân hóa, sáng tạo ngôn ngữ, dạy học Tiếng Việt, học sinh tiểu học, hoạt động viết.

DEVELOPING CREATIVE LANGUAGE SKILLS THROUGH TEACHING PERSONIFICATION IN WRITING ACTIVITIES FOR GRADE 4 STUDENTS

Abstract: This article focuses on researching the development of creative language skills for grade 4 students through teaching personification in writing activities. Based on an analysis of the current teaching situation, the author proposes a systematic set of solutions, including building a training process, designing differentiated exercises, and enhancing creative experiential activities. Experimental results show that students' ability to use personification is significantly improved in both expressive quality and creativity. The percentage of students who could write sentences using personification appropriately increased from 47.4% to 92.1%. This article contributes to providing a practical basis for innovating Vietnamese language teaching according to the competency-based approach.

Keywords: personification, language creativity, Vietnamese language teaching, primary school students, writing activities.

Nhận bài: 05/03/2026

Phản biện: 25/03/2026

Duyệt đăng: 28/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, việc dạy học Tiếng Việt ở tiểu học không chỉ dừng lại ở việc trang bị kiến thức ngôn ngữ mà còn phải hướng tới phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo, linh hoạt và hiệu quả. Đặc biệt, trong hoạt động viết, việc sử dụng các biện pháp tu từ đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tư duy hình tượng và khả năng biểu đạt cảm xúc của học sinh.

Trong số các biện pháp tu từ được giảng dạy ở tiểu học, nhân hóa là một biện pháp gần gũi, dễ tiếp cận và có nhiều tiềm năng trong việc phát triển năng lực sáng tạo ngôn ngữ. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy hiện nay cho thấy việc dạy học nội dung này vẫn còn mang tính hình thức, chưa tạo được sự chuyển biến rõ rệt trong năng lực vận dụng của học sinh.

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới và thực trạng dạy học, bài viết nhằm xây dựng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học biện pháp tu từ nhân hóa, góp phần phát triển năng lực sáng tạo ngôn ngữ cho học sinh lớp 4.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm năng lực sáng tạo ngôn ngữ

Năng lực sáng tạo ngôn ngữ là một thành tố quan trọng trong năng lực giao tiếp của người học, thể hiện ở khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt, độc đáo, giàu hình ảnh và cảm xúc nhằm truyền tải ý tưởng cá nhân một cách hiệu quả. Ở bậc tiểu học, năng lực này không chỉ đơn thuần là việc sử dụng từ ngữ đúng chuẩn mực mà còn bao gồm khả năng lựa chọn, kết hợp và biến đổi ngôn ngữ theo ngữ cảnh nhằm tạo ra những sản phẩm ngôn ngữ mang dấu ấn cá nhân.

Trong hoạt động viết, năng lực sáng tạo ngôn ngữ được biểu hiện qua các phương diện như: sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh, biết vận dụng các biện pháp tu từ, thể hiện cảm xúc cá nhân, và khả năng liên tưởng, tưởng tượng phong phú. Đây là nền tảng giúp học sinh chuyển từ tư duy cụ thể sang tư duy hình tượng, đồng thời phát triển năng lực biểu đạt – một năng lực cốt lõi trong chương trình giáo dục hiện đại.

Theo định hướng của Chương trình GDPT 2018, việc phát triển năng lực sáng tạo ngôn ngữ cần được thực hiện thông qua các hoạt động học tập tích cực, trong đó học sinh được tham gia vào

quá trình khám phá, thực hành và sáng tạo. Điều này đòi hỏi giáo viên không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn tổ chức các tình huống học tập mở, khuyến khích học sinh thể hiện ý tưởng riêng và chấp nhận sự đa dạng trong cách diễn đạt.

2.2. Vai trò của biện pháp tu từ nhân hóa trong phát triển năng lực sáng tạo ngôn ngữ

Biện pháp tu từ nhân hóa là một trong những phương tiện nghệ thuật phổ biến trong tiếng Việt, đặc biệt phù hợp với đặc điểm nhận thức và tâm lý của học sinh tiểu học. Nhân hóa giúp chuyển đổi những sự vật, hiện tượng vốn vô tri trở nên gần gũi, sinh động thông qua việc gán cho chúng những đặc điểm, hành động hoặc cảm xúc của con người.

Trong dạy học Tiếng Việt, nhân hóa không chỉ là một nội dung kiến thức mà còn là công cụ quan trọng để phát triển năng lực sáng tạo ngôn ngữ cho học sinh. Trước hết, việc sử dụng nhân hóa giúp tăng cường khả năng hình tượng hóa trong tư duy. Khi học sinh mô tả “cây bàng dang tay đón gió” hay “dòng sông thì thầm kể chuyện”, các em không chỉ ghi nhận sự vật mà còn thể hiện khả năng tưởng tượng và cảm nhận thế giới xung quanh một cách sinh động.

Thứ hai, nhân hóa góp phần nâng cao khả năng biểu đạt cảm xúc. Nhờ việc gán cảm xúc con người vào sự vật, học sinh có thể diễn đạt những trạng thái tình cảm một cách tinh tế và tự nhiên hơn. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc hình thành năng lực viết văn miêu tả và kể chuyện.

Thứ ba, nhân hóa tạo điều kiện để học sinh phát triển khả năng liên tưởng và sáng tạo. Việc tìm ra cách nhân hóa phù hợp đòi hỏi học sinh phải suy nghĩ linh hoạt, kết nối các đặc điểm của con người với đặc điểm của sự vật. Quá trình này giúp kích thích tư duy sáng tạo và khả năng tưởng tượng – những yếu tố cốt lõi của năng lực sáng tạo ngôn ngữ.

Ngoài ra, việc sử dụng nhân hóa còn góp phần làm tăng hứng thú học tập cho học sinh. Những hình ảnh sinh động, gần gũi giúp bài học trở nên hấp dẫn hơn, từ đó tạo động lực cho học sinh tham gia tích cực vào hoạt động viết. Đây là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả dạy học.

2.3. Đặc điểm tâm lý và khả năng tiếp nhận của học sinh lớp 4

Học sinh lớp 4 đang ở giai đoạn phát triển mạnh về tư duy và ngôn ngữ. Ở độ tuổi này, các em bắt đầu chuyển từ tư duy trực quan sang tư duy trừu tượng sơ khai, đồng thời khả năng tưởng

tượng và sáng tạo cũng được mở rộng đáng kể. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận và vận dụng các biện pháp tu từ như nhân hóa.

Tuy nhiên, khả năng sử dụng ngôn ngữ của học sinh vẫn còn hạn chế. Nhiều em gặp khó khăn trong việc lựa chọn từ ngữ, diễn đạt ý tưởng hoặc sử dụng biện pháp tu từ một cách phù hợp. Việc sử dụng nhân hóa thường mang tính máy móc, thiếu tự nhiên, hoặc không phù hợp với ngữ cảnh.

Bên cạnh đó, học sinh tiểu học có nhu cầu được thể hiện bản thân và được ghi nhận. Nếu được tạo điều kiện tham gia vào các hoạt động sáng tạo, các em sẽ phát huy được tiềm năng ngôn ngữ của mình. Ngược lại, nếu việc dạy học chỉ dừng ở mức độ truyền thụ kiến thức, học sinh sẽ khó phát triển năng lực sáng tạo.

Do đó, việc tổ chức dạy học cần phù hợp với đặc điểm tâm lý của học sinh, chú trọng tạo môi trường học tập tích cực, khuyến khích sự tham gia và sáng tạo của người học.

2.4. Giải pháp phát triển năng lực sáng tạo ngôn ngữ

Trên cơ sở phân tích thực trạng và định hướng đổi mới giáo dục, bài viết đề xuất một hệ thống giải pháp mang tính đồng bộ, nhằm phát triển năng lực sáng tạo ngôn ngữ cho học sinh lớp 4 thông qua dạy học biện pháp tu từ nhân hóa. Các giải pháp được xây dựng theo hướng tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học.

2.4.1. Xây dựng quy trình rèn luyện sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa theo hướng phát triển năng lực

Một trong những hạn chế lớn trong dạy học hiện nay là thiếu quy trình rèn luyện cụ thể, dẫn đến việc học sinh chỉ dừng lại ở mức nhận biết mà chưa biết vận dụng. Do đó, việc xây dựng một quy trình mang tính hệ thống là hết sức cần thiết.

Quy trình được thiết kế theo hướng phát triển năng lực, gồm các bước liên hoàn:

Bước 1: Nhận diện và khám phá

Ở bước này, giáo viên tổ chức cho học sinh tiếp cận các ví dụ cụ thể về nhân hóa trong văn bản. Thay vì cung cấp khái niệm một cách khô khan, giáo viên sử dụng phương pháp gợi mở, đặt câu hỏi để học sinh tự phát hiện đặc điểm của nhân hóa. Ví dụ: “Vì sao tác giả lại viết ‘mặt trời mỉm cười?’”, “Nếu không dùng nhân hóa thì câu văn sẽ như thế nào?”. Qua đó, học sinh không chỉ nhận biết mà còn hiểu được tác dụng của biện pháp này trong việc tạo hình ảnh và cảm xúc.

Bước 2: Phân tích và hình thành kiến thức

Sau khi nhận diện, học sinh được hướng dẫn phân tích sâu hơn về cách sử dụng nhân hóa: hình thức biểu hiện (gọi, tả, nói), mức độ phù hợp với ngữ cảnh, và tác dụng biểu đạt. Giáo viên cần giúp học sinh rút ra quy tắc sử dụng một cách linh hoạt, tránh áp đặt máy móc.

Bước 3: Thực hành có hướng dẫn

Học sinh được luyện tập thông qua các bài tập có cấu trúc, như: hoàn thành câu, viết lại câu có sử dụng nhân hóa, hoặc phát triển ý từ gợi ý. Ở giai đoạn này, vai trò hỗ trợ của giáo viên là rất quan trọng nhằm giúp học sinh hình thành kỹ năng cơ bản.

Bước 4: Vận dụng sáng tạo

Đây là bước quan trọng nhất, nơi học sinh được tự do sáng tạo trong việc sử dụng nhân hóa để viết đoạn văn hoặc bài văn hoàn chỉnh. Giáo viên khuyến khích học sinh thể hiện cảm xúc cá nhân, tránh rập khuôn theo mẫu.

Bước 5: Phản hồi và điều chỉnh

Sau khi thực hành, học sinh được tham gia nhận xét bài của bạn và tự đánh giá sản phẩm của mình. Giáo viên đưa ra phản hồi cụ thể, giúp học sinh nhận ra điểm mạnh và hạn chế để điều chỉnh. Quy trình này đảm bảo tính phát triển liên tục từ nhận thức đến vận dụng, giúp học sinh hình thành năng lực một cách bền vững.

2.4.2. Thiết kế hệ thống bài tập phân hóa theo năng lực học sinh

Trong một lớp học, trình độ học sinh không đồng đều, do đó việc thiết kế bài tập phân hóa là cần thiết để đảm bảo mọi học sinh đều được phát triển.

Hệ thống bài tập được xây dựng theo 3 mức độ:

Mức độ 1: Nhận biết – tái hiện: Học sinh nhận diện các yếu tố nhân hóa trong câu, đoạn văn; phân biệt với các cách diễn đạt thông thường. Các bài tập ở mức này giúp học sinh nắm vững kiến thức cơ bản.

Mức độ 2: Vận dụng có hướng dẫn: Học sinh thực hành viết câu có sử dụng nhân hóa dựa trên gợi ý hoặc tình huống cụ thể. Ví dụ: “Hãy nhân hóa một đồ vật quen thuộc trong lớp học”. Ở mức này, học sinh bắt đầu hình thành kỹ năng.

Mức độ 3: Vận dụng sáng tạo: Học sinh viết đoạn văn hoặc bài văn có sử dụng nhân hóa một cách linh hoạt, phù hợp với nội dung và cảm xúc. Đây là mức độ cao nhất, giúp phát triển năng lực sáng tạo ngôn ngữ.

Việc phân hóa bài tập mang lại nhiều lợi ích: Học sinh yếu có thể hoàn thành nhiệm vụ cơ bản, tránh tâm lý tự ti; Học sinh khá, giỏi có cơ hội phát triển sáng tạo; Giáo viên dễ dàng theo dõi và đánh giá sự tiến bộ của từng học sinh

Ngoài ra, giáo viên có thể thiết kế bài tập mở, cho phép nhiều cách trả lời khác nhau nhằm khuyến khích sự đa dạng trong tư duy và biểu đạt.

2.4.3. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm kích thích sáng tạo ngôn ngữ

Hoạt động trải nghiệm đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành ý tưởng và cảm xúc – nền tảng của sáng tạo ngôn ngữ. Nếu học sinh chỉ học qua sách vở, việc sử dụng nhân hóa sẽ dễ trở nên gượng ép và thiếu tự nhiên.

Do đó, giáo viên cần tổ chức các hoạt động trải nghiệm phong phú, như:

Quan sát thiên nhiên: Cho học sinh quan sát cây cối, con vật, thời tiết... và mô tả bằng nhân hóa

Viết theo tranh: Sử dụng tranh ảnh để kích thích trí tưởng tượng

Kể chuyện sáng tạo: Học sinh xây dựng câu chuyện có sử dụng nhân hóa

Đóng vai: Học sinh nhập vai vào sự vật để thể hiện suy nghĩ, cảm xúc

Thông qua các hoạt động này, học sinh được tiếp xúc với thế giới xung quanh một cách trực tiếp, từ đó hình thành cảm xúc và ý tưởng sáng tạo.

Đặc biệt, việc kết hợp giữa trải nghiệm và viết giúp học sinh hiểu rằng ngôn ngữ không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là phương tiện biểu đạt cảm xúc và sáng tạo nghệ thuật.

2.4.4. Đổi mới phương pháp đánh giá theo hướng phát triển năng lực

Đánh giá là một khâu quan trọng trong dạy học, có tác động trực tiếp đến động lực học tập của học sinh. Trong thực tế, việc đánh giá thường mang tính cảm tính, thiếu tiêu chí cụ thể, dẫn đến hiệu quả chưa cao.

Để khắc phục, cần xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá rõ ràng, bao gồm: Mức độ sử dụng biện pháp nhân hóa; Tính phù hợp với nội dung và ngữ cảnh; Tính sáng tạo trong cách diễn đạt; Khả năng biểu đạt cảm xúc

Ngoài ra, cần kết hợp nhiều hình thức đánh giá: Đánh giá của giáo viên: Nhận xét cụ thể, chỉ ra điểm mạnh và hạn chế; Tự đánh giá: Học sinh tự nhận xét bài viết của mình; Đánh giá đồng đẳng: Học sinh nhận xét bài của bạn

Việc đa dạng hóa hình thức đánh giá giúp học sinh chủ động hơn trong học tập, đồng thời phát triển năng lực tự học và tư duy phản biện.

2.4.5. Tăng cường vai trò của giáo viên trong tổ chức dạy học sáng tạo

Giáo viên giữ vai trò quyết định trong việc tổ chức và điều hành hoạt động học tập. Để phát triển năng lực sáng tạo ngôn ngữ cho học sinh, giáo viên cần: Đổi mới tư duy dạy học, chuyển từ “truyền đạt” sang “tổ chức”; Linh hoạt trong việc sử dụng phương pháp và hình thức dạy học; Tạo môi trường học tập thân thiện, khuyến khích sáng tạo; Tôn trọng sự khác biệt trong cách diễn đạt của học sinh

Bên cạnh đó, giáo viên cần thường xuyên trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chuyên môn để nâng cao chất lượng dạy học và nhân rộng các giải pháp hiệu quả.

2.4.6. Ứng dụng học liệu và công nghệ hỗ trợ dạy học

Việc sử dụng học liệu đa dạng và công nghệ thông tin có thể góp phần nâng cao hiệu quả dạy học. Giáo viên có thể: Sử dụng video, hình ảnh minh họa sinh động; Ứng dụng phần mềm hỗ trợ viết và chỉnh sửa văn bản; Tổ chức hoạt động học tập trực tuyến

Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ cần phù hợp với điều kiện thực tế, tránh lạm dụng và đảm bảo mục tiêu phát triển năng lực cho học sinh.

Hệ thống giải pháp đề xuất không chỉ hướng tới việc nâng cao kỹ năng sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa mà còn góp phần phát triển toàn diện năng lực sáng tạo ngôn ngữ cho học sinh. Sự kết hợp giữa quy trình rèn luyện, bài tập phân hóa, hoạt động trải nghiệm và đổi mới đánh giá đã tạo nên một mô hình dạy học hiệu quả, phù hợp với

định hướng giáo dục hiện nay.

III. KẾT LUẬN

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, bài viết đã khẳng định vai trò quan trọng của việc dạy học biện pháp tu từ nhân hóa trong phát triển năng lực sáng tạo ngôn ngữ cho học sinh lớp 4. Nhân hóa không chỉ là một nội dung kiến thức ngôn ngữ mà còn là công cụ hữu hiệu giúp học sinh hình thành tư duy hình tượng, phát triển khả năng biểu đạt cảm xúc và mở rộng trí tưởng tượng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi được tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực với các giải pháp đồng bộ như xây dựng quy trình rèn luyện, thiết kế bài tập phân hóa, tổ chức hoạt động trải nghiệm và đổi mới phương pháp đánh giá, năng lực sử dụng nhân hóa của học sinh được cải thiện rõ rệt. Học sinh không chỉ biết sử dụng nhân hóa đúng cách mà còn thể hiện được tính sáng tạo, cá nhân hóa trong sản phẩm viết.

Bên cạnh đó, bài viết cũng nhấn mạnh vai trò trung tâm của giáo viên trong việc tổ chức môi trường học tập tích cực, khuyến khích sự sáng tạo và tôn trọng sự khác biệt trong cách diễn đạt của học sinh. Việc kết hợp linh hoạt giữa phương pháp dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ đã góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Từ những kết quả đạt được, có thể khẳng định rằng việc dạy học biện pháp tu từ nhân hóa theo định hướng phát triển năng lực là một hướng đi phù hợp, có tính khả thi và cần được nhân rộng trong thực tiễn giảng dạy Tiếng Việt ở tiểu học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam.
 Nguyễn Trí (2015), *Dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực*, NXB Đại học Sư phạm.
 Đỗ Hữu Châu (2001), *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB Giáo dục. Phạm Minh Hạc (2012), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục Việt Nam.
 Nguyễn Quang Ninh (2010), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.
 Trần Đình Sử (2004), *Thi pháp học và nghiên cứu văn học*, NXB Giáo dục.
 Lê A (chủ biên) (2017), *Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam.